

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2022/DS-ST**

Ngày: 06-7-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Chu Văn Sín

2. Bà Hoàng Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sinh Hà - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2022/TLST-DS ngày 04/01/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐST-DS ngày 04/5/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-DS, ngày 26/5/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-DS, ngày 21/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị L, sinh năm 1978 - Nơi ĐKKHKT: Xóm 5, xã V, Thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Nơi công tác: Hạt 6, Q – Khu 1, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Chị Vi Thị L1, sinh năm 1989 – Trú tại: Thôn B, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 15/12/2021). Có mặt.

- Bị đơn: Chị Đào Thị M.H, sinh năm 1982 - Nơi ĐKKHKT: Khu 1, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- Người làm chứng:

+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984 - Nơi ĐKKHKT: Tổ 7, phường Q, Thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Tạm trú: Khu 1, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

+ Chị Đặng Thị M, sinh năm 1980 - Nơi ĐKKHKT: Khu 1, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16-12-2021, nộp trực tiếp ngày 03/01/2022, bản tự khai, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/12/2018, chị Lý Thị L có cho chị Đào Thị M.H vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), trong giấy vay ghi lãi suất 3.000.000đ/tháng, hai bên không thỏa thuận về thời hạn vay chỉ thống nhất khi chị L cần thì chị H sẽ trả. Việc vay tiền được lập thành văn bản do chị H viết giấy vay tiền, ký nhận. Hai bên đã giao nhận đầy đủ số tiền. Tuy nhiên, kể từ ngày vay đến nay, chị H chỉ trả cho chị L được số tiền 1.500.000 đồng tiền lãi, ngoài ra chưa trả thêm bất cứ khoản tiền nào khác mặc dù chị L đã rất nhiều lần yêu cầu. Nay chị L khởi kiện yêu cầu chị Đào Thị M.H trả số tiền 72.500.000đ (Bảy mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó, nợ gốc: 50.000.000 đồng, nợ lãi: 22.500.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 10/12/2018.

Ngày 28/4/2022, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn có đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu về lãi suất. Cụ thể, yêu cầu thay đổi mức lãi suất từ 15%/năm xuống còn 10%/năm đối với toàn bộ khoản vay.

Lời khai trong quá trình tố tụng bị đơn chị Đào Thị M.H trình bày:

Ngày 10/12/2018, chị có vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) của chị Lý Thị L để làm ăn. Khi vay, chị có viết giấy vay tiền và ký nhận. Hai bên đã giao nhận đầy đủ số tiền trên. Từ thời điểm vay đến nay, chị đã trả cho chị L được số tiền lãi tổng cộng là 7.500.000 đồng, trong đó có 1.500.000 đồng trả vào số tài khoản Ngân hàng Agribank của chị L và 6.000.000 đồng tiền mặt. Chị xác nhận đến thời điểm hiện nay chị còn vay của chị L số tiền gốc là 50.000.000đ và lãi phát sinh. Tuy nhiên, do công việc làm ăn khó khăn, chị nhất trí trả cho chị L số tiền gốc là 50.000.000đ. Đối với số tiền lãi chị L yêu cầu, chị không nhất trí trả vì chị không có khả năng.

Lời khai trong quá trình tố tụng, người làm chứng chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị xác nhận có được chứng kiến việc chị L đưa số tiền 50.000.00 đồng cho chị H và chị H đã viết tay giấy vay tiền đưa cho chị L vào ngày 10/12/2018. Chị không được chứng kiến việc chị H trả tiền lãi cho chị L.

Lời khai trong quá trình tố tụng, người làm chứng chị Đặng Thị M trình bày:

Chị chỉ biết giữa chị H, chị L có bàn đến chuyện tiền bạc, không biết cụ thể bàn nội dung gì và không biết có việc vay tiền, trả tiền giữa chị L và chị H.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,833%/tháng, tương đương 10%/năm kể từ ngày 10/12/2018 đến thời điểm xét xử ngày 06/7/2022 (42 tháng 26 ngày) là 17.854.000 đồng. Sau khi trừ đi số tiền lãi 1.500.000 đồng chị L đã nhận, số tiền lãi còn lại là 16.354.000 đồng.

Bị đơn nhất trí trả cho nguyên đơn số tiền gốc 50.000.000 đồng, thời điểm trả nợ bị đơn không xác định được. Đối với số tiền lãi, bị đơn giữ nguyên ý kiến cho rằng đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền 7.500.000 đồng, trong đó có 1.500.000 đồng trả vào số tài khoản Ngân hàng Agribank của nguyên đơn và 6.000.000 đồng tiền mặt. Phần lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu, bị đơn không nhất trí trả cho nguyên đơn vì bị đơn đang khó khăn trong công việc làm ăn, không có khả năng trả.

Người làm chứng Nguyễn Thị T, Đặng Thị M xác nhận lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án là đúng, giữ nguyên các ý kiến đã khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về việc tuân theo pháp luật TTDS: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 71, 72, 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Đối với người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 78 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 117, 119, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị L. Buộc chị Đào Thị M.H phải trả cho chị L số tiền vay gốc 50.000.000 đồng và trả tiền lãi theo mức lãi suất 0,833%/tháng, tương đương 10%/năm kể từ ngày 10/12/2018 đến thời điểm xét xử ngày 06/7/2022.

Về số tiền lãi: Chấp nhận việc chị Đào Thị M.H đã trả cho chị Lý Thị L số tiền lãi 1.500.000 đồng. Số tiền này sẽ được trừ vào số tiền lãi mà chị Huệ phải trả cho chị L.

- Về án phí: Chị Đào Thị M.H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lý Thị L khởi kiện chị Đào Thị M.H yêu cầu chị Đào Thị M.H thanh toán khoản tiền đã vay. Chị H hiện đang cư trú tại Khu 1, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nên tranh chấp giữa các

đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa đã được mở vào ngày 26/5/2022 nhưng do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm không có lý do và không có đơn xin xét xử vắng mặt nên hội đồng xét xử hoãn phiên tòa lần 1. Phiên tòa lần 2 đã được mở vào ngày 21/6/2022 nhưng do nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ nhất tại phiên tòa sơ thẩm không có lý do và không có đơn xin xét xử vắng mặt nên hội đồng xét xử hoãn phiên tòa lần 2.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng của nguyên đơn đối với bị đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc vay tiền giữa chị L và chị H có viết giấy vay tiền vào ngày 10/12/2018, không thỏa thuận thời hạn vay. Đối với bị đơn cũng xác nhận giấy vay tiền ngày 10/12/2018 mà nguyên đơn nộp cho Tòa án để yêu cầu bị đơn trả số tiền vay là 50.000.000 đồng là do bị đơn tự viết và ký tên vào phần người vay tiền. Đây là chứng cứ được đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét về phần lãi suất vay nguyên đơn yêu cầu về việc tính lãi suất 10%/năm đối với số tiền vay là 50.000.000 đồng từ ngày 10/12/2018 đến ngày 06/7/2022 thấy rằng:

Theo nội dung Giấy vay tiền ngày 10/12/2018, lời khai của hai bên đương sự, người làm chứng xác nhận lãi suất thỏa thuận của hai bên là 3.000.000 đồng/tháng, mức lãi suất hai bên thỏa thuận tương đương $36.000.000 \text{ đồng/năm} = 72\%/năm$, vượt quá mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã có đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: thay đổi yêu cầu tính lãi suất vay từ 15%/năm xuống 10%/năm (tương đương 0,833%/tháng). Mức lãi suất này phù hợp theo quy định của pháp luật (không quá 20%/năm). Xét thấy hợp đồng vay tiền giữa các bên đương sự là hợp đồng không có kỳ hạn, có thỏa thuận lãi suất vay. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các Điều 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét về tiền lãi: Bị đơn cho rằng đã được trả cho nguyên đơn tổng số tiền lãi là 7.500.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn thừa nhận chỉ được nhận được số tiền lãi suất là 1.000.000 đồng vào ngày 06/5/2019 và 500.000 đồng vào ngày 14/9/2021 bằng hình thức chuyển khoản. Bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền 1.500.000 tiền lãi chuyển khoản. Bị đơn đã cung cấp chứng cứ chứng minh việc trả số tiền này. Cả hai bên đều thừa nhận việc trả số tiền này vào số tiền lãi. Đây là chứng cứ được đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với số tiền lãi 6.000.000 đồng bị đơn trình bày đã trả bằng tiền mặt cho nguyên đơn trong 02 lần. Hội đồng xét xử nhận thấy ngoài lời khai của bị đơn không có chứng cứ gì khác để chứng minh cho việc nguyên đơn đã nhận số tiền 6.000.000

đồng lãi suất. Nguyên đơn, người làm chứng không thừa nhận nội dung bị đơn trình bày. Tại phiên tòa bị đơn không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, lời trình bày của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Do yêu cầu tính lãi suất của khoản vay là 10%/năm và thời điểm tính lãi suất từ ngày 10/12/2018 đến ngày Tòa án xét xử vụ án (06/7/2022) là có căn cứ để chấp nhận nên số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn đối với khoản vay là 42 tháng 26 ngày, tương đương số tiền 17.854.000 đồng, sau khi trừ đi 1.500.000 đồng tiền lãi đã nhận. Số tiền lãi còn lại là 16.354.000 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu khoản lãi nào khác đối với khoản vay nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị L
2. Buộc chị Đào Thị M.H có nghĩa vụ trả cho chị Lý Thị L tổng số tiền 66.354.000đ (*Sáu mươi sáu triệu ba trăm năm mươi tư nghìn đồng*) bao gồm:
 - Số tiền vay gốc 50.000.000 đồng
 - Tiền lãi theo mức lãi suất 0,833%/tháng, tương đương 10%/năm từ ngày 10/12/2018 đến ngày xét xử 06/7/2022 (42 tháng 26 ngày) (sau khi đã trừ đi 1.500.000 đồng lãi suất đã trả) là 16.354.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí dân sự sơ thẩm

Chị Đào Thị M.H có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm 3.317.700đ (*Ba triệu ba trăm mười bảy nghìn bảy trăm đồng*) để nộp Ngân sách Nhà nước.

Chị Lý Thị L không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí 1.812.000đ (*Một triệu tám trăm mười hai nghìn đồng*) cho chị Lễ theo biên lai thu số 0000283 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Vân Tùng;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ